TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **19**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2017
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Ninh**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Hồ Viết Trung**
Ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký phiên tòa: **Ông Chu Ngọc Phú** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước *tham gia phiên toà:* **Ông Bùi Quang Thế** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 170/2017/TLST - HNGĐ ngày 15/6/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Trần Thị Thùy D**, sinh năm 1991 (Có mặt)
Bị đơn: **Ông Trần Minh H**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Trần Thị Thùy D trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Thùy D và ông Trần Minh H tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước vào ngày 15/12/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã nhau, ông H không lo làm ăn, ham chơi, không lo cho gia đình, không cùng quan điểm sống, cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn dẫn đến đời sống chung không

hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, bà D đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ đầu tháng 6/2016 cho đến nay và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, nay bà D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu được ly hôn với ông H.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống có 01 người con chung là cháu Trần Thiện A, sinh ngày 29/5/2016. Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Trần Minh H trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trần Minh H thống nhất với lời trình bày của bà D về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng.

Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng tôi có phát sinh một vài mẫu thuẫn nhỏ, đó chỉ là chuyện đời sống gia đình mà vợ tôi làm đơn ly hôn với tôi. Hiện nay tôi còn thương yêu vợ tôi, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà D thì tôi không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống có 01 người con chung là cháu Trần Thiện A, sinh ngày 29/5/2016. Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Trần Thị Thùy D được ly hôn với bị đơn ông Trần Minh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Trần Thị Thùy D làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Trần Minh H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông Trần Minh H có nơi cư trú tại xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng. Bị đơn ông Trần Minh H mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Trần Minh H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy D và ông Trần Minh H tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước vào ngày 15/12/2015. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ vào Biên bản xác minh ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước thể hiện: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã nhau, ông H không lo làm ăn, không lo cho gia đình, tình cảm vợ chồng không còn dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, bà D đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ đầu tháng 6/2016 cho đến nay và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nội dung biên bản xác minh phù hợp với lời trình bày của bàD.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Chứng tỏ ông H đã từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án tiến hành việc hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã phân tích các nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, các hậu quả về xã hội và gia đình sau khi vợ chồng ly hôn, nhưng bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông H.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy D đối với bị đơn ông Trần Minh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 người con chung là cháu Trần Thiện A, sinh ngày 29/5/2016. Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy D.

Xử cho bà Trần Thị Thùy D được ly hôn với ông Trần Minh H.

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thùy D phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 025902 ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *VKSND H. Phú Riềng;*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS H. Phú Riềng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Quang Ninh